

Số: 805 /QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Công văn số 1043/BTTTT-CĐSQG ngày 25/3/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tiếp tục triển khai một số giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

Căn cứ Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 20/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Thái Bình năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 40/TTr-STTTT ngày 14/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Thái Bình năm 2024 (có Phụ lục kèm theo), các chỉ tiêu gồm:

- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia tối thiểu 80% (áp dụng đối với các sở, ban, ngành).

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt tối thiểu 85%.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công tối thiểu 45%.

- Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử 100%.



- Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện 100% (tiêu chí này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Căn cứ chỉ tiêu được giao tại Điều 1 Quyết định này; các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện; trong đó phân rõ lộ trình cụ thể tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo từng tháng, quý trong năm; phân công, giao nhiệm vụ kèm chỉ tiêu đối với từng phòng ban, đơn vị trực thuộc và mỗi cán bộ, công chức, viên chức nhằm đạt chỉ tiêu được giao.

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính qua đó phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi không đúng quy định của cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn phiền hà cho người dân trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc Sở; Thủ trưởng ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *giang*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. *2*



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm



Phụ lục
GIAO CHỈ TIÊU NĂNG CAO TỶ LỆ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 805 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Công dịch vụ công quốc gia tối thiểu 80% (tiêu chí này áp dụng đối với các sở, ban, ngành)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tối thiểu 50%	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Công dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công tối thiểu 45%	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính 100%	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử 100%	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt tối thiểu 85%	Tỷ lệ thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện 100% (tiêu chí này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã và Phòng Tư pháp cấp huyện)	Ghi chú
1	Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp	80	50	45	100	100	85		
2	Sở Công Thương	80	50	45	100	100	85		
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	80	50	45	100	100	85		
4	Sở Giao thông vận tải	80	50	45	100	100	85		
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	80	50	45	100	100	85		
6	Sở Khoa học và Công nghệ	80	50	45	100	100	85		

7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	80	50	45	100	100	85		
8	Sở Nội vụ	80	50	45	100	100	85		
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	80	50	45	100	100	85		
10	Sở Tài chính	80	50		100	100	85		Tỷ lệ thanh toán trực tuyến không đăng ký do các thủ tục không thu phí
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	80	50	45	100	100	85		
12	Sở Tư pháp	80	50	45	100	100	85		
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	80	50	45	100	100	85		
14	Sở Thông tin và Truyền thông	90	50	45	100	100	85		
15	Sở Xây dựng	80	50	45	100	100	85		
16	Sở Y tế	80	50	45	100	100	85		
17	Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng		50	45	100	100	85	100	
18	38/38 xã, thị trấn huyện Đông Hưng		50	45	100	100	85	100	
19	Ủy ban nhân dân huyện Hưng Hà		50	45	100	100	85	100	
20	35/35 xã, thị trấn huyện Hưng Hà		50	45	100	100	85	100	



21	Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương		50	45	100	100	85	100	
22	33/33 xã, thị trấn huyện Kiến Xương		50	45	100	100	85	100	
23	Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Phụ		50	45	100	100	85	100	
24	37/37 xã, thị trấn huyện Quỳnh Phụ		50	45	100	100	85	100	
25	Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy		50	45	100	100	85	100	
26	36/36 xã, thị trấn huyện Thái Thụy		50	45	100	100	85	100	
27	Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải		50	45	100	100	85	100	
28	32/32 xã, thị trấn huyện Tiền Hải		50	45	100	100	85	100	
29	Ủy ban nhân dân huyện Vũ Thư		50	45	100	100	85	100	
30	30/30 xã, thị trấn huyện Vũ Thư		50	45	100	100	85	100	
31	Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình		60	45	100	100	85	100	
32	19/19 xã, phường thuộc thành phố Thái Bình		55	45	100	100	85	100	

